

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 11 – 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Diễm;

Ông Lê Đình Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **H. T. K. M**, sinh năm 1995; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An; địa chỉ nơi cư trú: khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh **N. V. P**, sinh năm 1991; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú: khu phố N, phường M, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H. T. K. M trình bày:*

Chị và anh N. V. P chung sống với nhau từ năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H (nay là phường G, thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị và anh P sống chung với mẹ chồng tại khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh P không có hạnh phúc do anh P không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chia sẻ công việc nhà và kinh tế gia đình với chị mà

thường xuyên đi uống rượu với bạn bè và kiếm chuyện mắng chửi, đánh đập chị. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng chung sống không hòa thuận nên tháng 6/2020 chị chuyển ra ngoài thuê nhà trọ tại khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh sinh sống. Đến tháng 7/2020 chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P tại Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhưng sau khi Toà án hoà giải, chị suy nghĩ lại và đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ lúc chị rút đơn khởi kiện đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn tình cảm được. Thỉnh thoảng anh P vẫn đến thăm con nhưng chỉ ở một lúc rồi về, ngày nào đi làm về sớm thì anh P cũng về nhà mẹ ruột chứ không ở lại với vợ con. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị và anh P có 01 con chung tên N. H. P, sinh ngày 30/10/2017, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh N. V. P đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, vi phạm quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị H. T. K. M đối với anh N. V. P. Về con chung, giao cháu N. H. P, sinh ngày 30/10/2017 cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị H. T. K. M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh N. V. P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh P là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị B, anh P chung sống từ năm 2016, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị B trình bày nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh P là do trong thời gian sống chung anh P không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chia sẻ công việc nhà và kinh tế với chị và có hành vi mắng chửi, đánh đập chị dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện giữa chị B và anh P có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh P còn ham chơi, mê đá gà và thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất hoà dẫn đến chính quyền địa phương phải giải quyết. Tháng 7/2020 chị B đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P nhưng sau khi được Tòa án hoà giải thì chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn khởi kiện thì vợ, chồng vẫn không về sống chung một nhà. Mâu thuẫn giữa chị B và anh P cũng đã được cha, mẹ đứng ra khuyên can, hoà giải nhưng anh, chị vẫn không hàn gắn tình cảm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử sơ thẩm. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí đoàn tụ, không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị B. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh P và chị B không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 01 người con chung tên N. H. P, sinh ngày 30/10/2017, hiện đang sống chung với chị B. Xét yêu cầu được nuôi con của chị B thấy rằng, cháu Phú đang còn nhỏ và đang sống ổn định với chị B từ lúc vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do đó, cần giao cháu Phú cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị H. T. K. M đối với anh N. V. P. Chị H. T. K. M được ly hôn với anh N. V. P.

2. Về con chung: giao cháu N. H. P, sinh ngày 30/10/2017 cho chị H. T. K. M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015209 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị B đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị B, anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường X;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Yến**